

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

2. Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường nhà văn hóa TDP 1, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bích P

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Chị P có mặt tại phiên tòa; Anh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Bích P trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay tình cảm giữa chị và anh Ng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 06/8/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; tại phiên tòa chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh N có số tiền 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) hiện nay anh n đang giữ và một số tài sản khác. Khi ly hôn chị yêu cầu nhận 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), một số tài sản khác chị để lại cho anh N chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 10/11/2021 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 04/11/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị Bích P kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau. Hiện nay anh và chị P phân ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 06/8/2019. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Nguyễn Văn N

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 06/8/2019 cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị P không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích P và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị P và anh N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị P và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị P yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị P và anh Nghĩa là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 06/8/2018. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Anh Nghĩa cũng đồng ý giao con chung cho chị Phượng nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị P không yêu cầu anh Nghĩa cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung:

[2.4.1] Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2021, chị Bùi Thị Bích P yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung là số tiền 160.000.000 đồng. Đến ngày 10/11/2021, chị P đã rút yêu cầu về việc chia tài sản chung. Xét thấy việc rút đơn của chị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia số tiền 160.000.000 đồng của chị P.

[2.4.2] Theo trình bày của chị P và anh N thì anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị P, anh Nghĩa trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Bùi Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 06/8/2019 cho chị Bùi Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Bích P và anh Nguyễn Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Đình chỉ yêu cầu về việc chia tài sản chung là số tiền 160.000.000 đồng của chị Bùi Thị Bích P. Chị Bùi Thị Bích P có quyền khởi kiện lại về việc yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ chung: Chị Bùi Thị Bích P và anh Nguyễn Văn N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích P phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.300.000^d (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000004 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị Bùi Thị Bích P số tiền 4.000.000^d (*Bốn triệu đồng*).

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/12/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương